

DỰ THẢO (lần 4)

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2007

**ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN
"VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN"
Đặt vấn đề**

Thực hiện đường lối Đổi mới, ngay từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương lớn để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn nhằm từng bước nâng cao đời sống của nông dân.

Tiếp theo các Đại hội Đảng lần thứ VIII và IX, Đảng ta đã xác định vị trí vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điển hình là Nghị quyết 15-TW (khóa IX) về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhờ những chủ trương đúng đắn của Đảng, đến nay nông nghiệp đã có bước phát triển mới, nông thôn khởi sắc và đời sống vật chất, tinh thần của nông dân đã được cải thiện đáng kể.

Tuy vậy, nền nông nghiệp nước ta về cơ bản là sản xuất nhỏ, phân tán, năng suất, chất lượng hiệu quả thấp và sức cạnh tranh yếu; đại bộ phận nông dân còn nghèo, đời sống bấp bênh, mức hưởng thụ thành quả của quá trình đổi mới còn thấp so với khu vực thành thị; nông thôn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố thiếu bền vững.

Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn có quan hệ toàn cục đến quá trình xây dựng nước ta đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp; quan hệ tới sự lãnh đạo của Đảng; đây không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị, quyết định sự tồn tại và phát triển của nước ta.

Vì vậy, Đại hội lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: **"Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn"**. Trong 10 - 20 năm nữa, **vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng.**

Đề án nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X về các vấn đề có liên quan tới nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; xác định mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể đến 2015 và 2020; nội dung và các giải pháp để thực hiện. Nội dung của Đề án gồm các phần sau:

1. Đánh giá thực trạng nông dân, nông nghiệp và nông thôn.
2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2015, 2020, tầm nhìn sau 2020 và Quan điểm phát triển.
3. Nội dung và Giải pháp
4. Tổ chức thực hiện.

Phần thứ Nhất

THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

I. NHỮNG THÀNH TỰU

1. Trong sản xuất nông nghiệp

1.1. Duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức cao.

- Liên tục trong 10 năm mức tăng trưởng sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định ở mức cao (4,8%/năm), trong những năm gần đây ổn định ở mức 3,5%/năm. An ninh lương thực được đảm bảo.

- Giá trị sản lượng công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 14%/ năm;

1.2. Cơ cấu nông nghiệp có bước chuyển dịch tích cực góp phần nâng cao hiệu quả của nền KTQD.

- Nêu tỷ trọng: nông nghiệp; công nghiệp, xây dựng; dịch vụ trong tổng GDP của cả nước (cập nhật 2007); Đánh giá tốc độ chuyển dịch.

- Nêu cơ cấu nội ngành: Trồng trọt; chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản. Đánh giá tốc độ chuyển dịch

- Về trồng trọt:

+ Diện tích gieo trồng lúa trên cả nước giảm, song năng suất, sản lượng lúa vẫn tăng (năm 2006 đạt 35,8 triệu tấn), vượt chỉ tiêu Đại hội IX của Đảng là 34 triệu tấn;

+ Các loại cây công nghiệp xuất khẩu tiếp tục phát triển mạnh (cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè.....).

- Về chăn nuôi:

+ Phát triển với tốc độ cao, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 17% lên trên 20%;

+ Khắc phục ảnh hưởng của dịch bệnh;

+ Cơ cấu chăn nuôi có sự điều chỉnh tích cực.

- Về Thủy sản:

+ Có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu nuôi trồng, khai thác theo hướng bền vững, phát triển nhanh.

+ Sản lượng thủy sản khai thác đạt(năm 2007), bình quân tăng trưởng (%/năm);

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản (năm 2007), tăng (%/năm).

- Về Lâm nghiệp:

+ Chuyển biến trong tổ chức phát triển lâm nghiệp, độ che phủ rừng tăng từ 34,2 % lên 37,5%;

+ Diện tích rừng trồng tăng từ 11,31 triệu ha lên 12,29 triệu ha, sản lượng khai thác đạt khoảng 3 triệu m³/năm.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, ngành nghề và dịch vụ nông thôn có chuyển biến tích cực:

+ Số lượng các doanh nghiệp chế biến (kể cả quy mô nhỏ và vừa)

+ Nhiều mặt hàng nông nghiệp Việt Nam đã khẳng định vị thế cao trên thị trường thế giới, như: lúa gạo, cao su, cà phê, điều, hồ tiêu, đồ gỗ và thủy sản.

+ Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển, bình quân tăng 15% /năm.

1.3. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt được thành tựu lớn

- Nêu số liệu kim ngạch xuất khẩu các ngành hàng

- Đánh giá tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong 10 năm đổi mới.

1.4. Trình độ khoa học công nghệ được nâng lên

- Việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ được đẩy mạnh.

+ Trong nghiên cứu cơ bản

+ Trong nghiên cứu ứng dụng

+ Hoạt động chuyển giao công nghệ, khuyến nông

- Áp dụng công nghệ, thiết bị, quy trình quản lý tiên tiến (ISO, HACCP...); đa dạng hoá, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; việc kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường.

- Cơ khí hoá nông nghiệp có bước tiến bộ

+ Kết quả cơ khí hóa các khâu sản xuất

+ Ứng dụng và đẩy nhanh việc áp dụng cơ khí hóa vào những khâu có nhu cầu cấp bách về lao động, tính mùa vụ (máy gặt đập liên hợp phục vụ thu hoạch lúa ĐBSCL...)

2. Đối với nông dân (Các số liệu đánh giá cần so sánh với mức bình quân chung của cả nước; giữa thành thị và nông thôn; giữa các vùng, miền)

2.1. Thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn được nâng cao

- Nêu số liệu cụ thể về thu nhập và mức chi tiêu của dân cư nông thôn qua các thời kỳ.

- Cơ cấu thu nhập của nông dân (từ nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ)

2.2. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm đạt được kết quả tích cực

- Số cơ sở đào tạo nghề; số lượng người được đào tạo nghề, trong đó lao động nông thôn chiếm (%).

- Số lượng lao động nông thôn được tạo việc làm; tỷ trọng (%) so với cả nước;

- Số lượng lao động chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ.

- Xuất khẩu lao động;

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm còn 56,7% năm 2006; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 75,29% năm 2002 tăng lên 80% năm 2006.

2.3. Đời sống tinh thần ngày càng phong phú.

- Về y tế

- Về giáo dục

- Về văn hóa

- Về thông tin

- Giữ gìn, phục hồi các giá trị văn hoá truyền thống

3. Phát triển nông thôn

3.1. Cơ cấu kinh tế nông thôn có bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Hình thành các khu, cụm công nghiệp; cụm làng nghề

- Dịch vụ ở nông thôn có bước phát triển mới

- Đã hình thành các mô hình làm ăn mới đạt hiệu quả

+ Kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, mà chủ yếu tổ hợp tác, HTX

+ Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới.

+ Số doanh nghiệp tư nhân tăng mạnh.

+ Đã xuất hiện các mô hình liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ (mía đường, cao su, bò sữa, chăn nuôi gia cầm của CP Group, JAFACOMFEED, PROCONCO...).

3.2. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường

- Thủy lợi

- Về giao thông nông thôn

- Điện lưới quốc gia

- Chợ nông thôn

- Chương trình kiên cố hóa trường học

- Số lượng, tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia

- Số lượng nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, thư viện, điểm bưu điện văn hóa...

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (%) dân cư nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

3.3. Bộ mặt nông thôn được thay đổi theo hướng đô thị hoá

- Số lượng thị trấn, thị tứ đã được hình thành;
- Hình thành chuỗi đô thị liên kết nông thôn thành thị;
- Mô hình nông thôn mới.

3.4. Công tác xoá đói giảm nghèo đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

- Đầu tư của ngân sách Nhà nước cho Chương trình xoá đói giảm nghèo;
- Tỷ lệ hộ đói nghèo được tiếp tục giảm, tốc độ giảm nghèo.

3.5. Dân chủ cơ sở được phát huy, hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Trong nông nghiệp

- Quy hoạch và quản lý quy hoạch yếu kém;
- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch chậm;
- Tăng trưởng nông nghiệp có xu hướng chậm lại, thiếu bền vững. Trong khi đó, công nghiệp và dịch vụ nông thôn chậm phát triển.
- Khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp chưa cao;
- Chất lượng, mức độ VSATTP của nhiều loại nông sản còn thấp, nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm ngày càng trở nên gay gắt.
- Quy mô sản xuất phân tán, nhỏ lẻ;

2. Nông dân

- Thu nhập thuần nông của nông dân thấp, tăng chậm;
- Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng miền núi, vùng đồng bào các dân tộc, tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại;
- Khoảng cách giàu nghèo, sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn ngày một lớn;
- Tình trạng thiếu việc làm vẫn gay gắt ở nhiều nơi.
- Trình độ tay nghề của lao động nông nghiệp thấp, chất lượng lao động giảm sút (một phần lao động trẻ chuyển dịch sang công nghiệp, còn lại phần lớn gắn với các dịch vụ lao động ở các đô thị).
- Khó có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ công, người dân ở nhiều vùng nông thôn chưa được hưởng tương xứng những thành quả của đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Việc làm, đời sống và thu nhập của bộ phận người dân bị thu hồi đất gặp nhiều khó khăn.
- Tệ nạn xã hội có chiều hướng phát triển ngày càng phức tạp, đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm...

3. Nông thôn

- Nông thôn hầu như chưa được quy hoạch, kể cả quy hoạch làng, xã và bố trí dân cư nông thôn;

- Đô thị hoá tự phát, nguy cơ cản trở sự phát triển bền vững của nông thôn;

- Chất lượng kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hoá lớn, cải thiện nhanh đời sống của người dân. Nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao chưa có đường tới được các trung tâm (357 xã, hơn 20.000 thôn bản). Việc giải quyết đủ điện, cho sinh hoạt và phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng còn rất khó khăn.

- Sự phát triển của giáo dục, y tế, văn hoá nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu, tụt hậu xa so với các đô thị;

- Bản sắc văn hoá truyền thống bị mai một.

- Quy chế dân chủ cơ sở không được thực hiện tốt ở nhiều nơi, (thiếu công khai, minh bạch trước dân, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, sử dụng đất đai; nhiều địa phương đưa ra nhiều khoản thu chưa hợp lý trong khi thu nhập của nông dân còn rất thấp, gây bức xúc cho người dân).

- Môi trường nông thôn bị ô nhiễm nặng nề.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG YẾU KÉM

1. Khách quan

- Nền sản xuất nông nghiệp nước ta về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, tư tưởng tiểu nông vẫn còn tồn tại trong đại bộ phận nông dân;

- Thiên tai, dịch bệnh ngày càng nhiều và có xu hướng gay gắt hơn, phải tập trung sức giải quyết nhiều tình huống phát sinh;

- Kinh tế nước ta có điểm xuất phát thấp, nguồn lực của Nhà nước và người dân còn hạn chế.

2. Chủ quan

- *Về nhận thức:* Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên nhận thức chưa ngang tầm với yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; nhiều địa phương thiếu toàn diện trong xây dựng chương trình hành động, thiếu giải pháp đồng bộ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn bền vững.

- *Cơ chế chính sách:* chưa đủ mạnh để giải quyết những vấn đề mới đang đặt ra. Nhiều cơ chế chính sách còn chưa kịp thời, nhất là trong các lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai, phát triển doanh nghiệp nông thôn, nên chưa tạo ra sự chuyển biến về chất đối với CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Việc tổ chức thực hiện cơ chế chính sách đã ban hành chậm, hiệu quả thấp.

- Sự lãnh đạo của tổ chức đảng, quản lý của nhà nước, sự tham gia của tổ chức đoàn thể có nơi chưa đúng theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương, phổ

biến là thiếu sự quan tâm đúng mức, nhất là cấp Bộ, ngành TW và cấp tỉnh. Thiếu sự phối hợp chặt chẽ. Sự chỉ đạo trong tổ chức thực hiện hiệu quả thấp, còn tình trạng buông lỏng, thiếu kiểm tra giám sát. Bộ máy quản lý thiếu đồng bộ, năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước đối với nhiều lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn thấp.

Phần thứ Hai

QUAN ĐIỂM VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2020

I. CƠ HỘI, THÁCH THỨC

1. Cơ hội

- Quá trình CNH HĐH đất nước tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra thị trường rộng lớn cho nông nghiệp Việt Nam;
- Sự phát triển của khoa học công nghệ đem lại nhiều cơ hội mới;
- Nguồn lực của nhà nước và nhân dân cao hơn

2. Thách thức

- Yêu cầu chuyển đổi nhanh nông nghiệp, nông dân, nông thôn đáp ứng mục tiêu đến năm 2020 nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp, trong khi đó cả 3 vấn đề trên (Tam nông) đều có điểm xuất phát thấp
- Cạnh tranh quốc tế ngày càng cao, yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế ngày càng cấp bách.
- Sự biến đổi khí hậu và môi trường dẫn đến thiên tai, dịch bệnh gia tăng, lây lan nhanh.
- Cải cách hành chính ở nông thôn tiến hành chậm chạp
- Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong điều kiện ngân sách, nguồn lực xã hội cũng như nội lực của nông dân còn nhiều hạn chế.

II. KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC

Kinh nghiệm về “Tam nông” của Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Malayxia, Hungary, Bungary,

- Tiến hành khảo sát mô hình một số nước
- Mở các hội thảo chuyên đề và đúc kết kinh nghiệm.
- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện lý luận về nông nghiệp, nông thôn và giai cấp nông dân ở nước ta trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

III. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là những vấn đề mang tính chiến lược đặc biệt quan trọng trong quá trình CNH, HĐH đất nước, vừa là mục đích vừa là giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách thu nhập và chất lượng cuộc sống giữa cư dân nông thôn và đô thị, đảm bảo công bằng xã hội, duy trì sự phát triển bền vững của đất nước về cả chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải đặt trong tổng thể sự phát triển Đất nước theo hướng công nghiệp, hiện đại, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo an ninh quốc phòng.

3. Gắn phát triển công nghiệp với nông nghiệp, đô thị với nông thôn, doanh nghiệp với nông dân và khoa học công nghệ với sản xuất truyền thống.

4. Phát huy sức mạnh cộng đồng, kết hợp nội lực của dân với nguồn lực tăng cường của nhà nước và toàn xã hội, tạo bước nhảy vọt trong giải quyết đồng bộ vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

IV. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN SAU 2020.

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, nâng cao nhanh đời sống của nông dân, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội, tạo tiền đề thực hiện thành công CNH, HĐH đất nước”.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015, 2020

Cần có các phân tích, dự báo và thảo luận trong quá trình xây dựng đề án. Dưới đây dự kiến một số chỉ tiêu định hướng.

2.1. Về nông nghiệp:

- Giá trị tăng thêm trong nông, lâm nghiệp và thủy sản
- Cơ cấu nông nghiệp trong GDP
- Cơ cấu nội ngành nông nghiệp: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản
- Thu nhập bình quân/ha canh tác/năm: (triệu đồng); tỷ lệ lợi nhuận.
- Tăng trưởng công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản (%)
- Tốc độ phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn
- Lao động nông nghiệp: % (trong đó % được đào tạo nghề)

2.2. Về nông dân

- Thu nhập bình quân đầu người
- Tỷ lệ hộ nghèo:
- Mức độ hưởng thụ các chính sách an sinh xã hội (BHYT, BHXH)
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện: %
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch: %

2.3. Về nông thôn

- Số thị trấn, thị tứ được hình thành.
- Tỷ trọng đô thị nông thôn so với cả nước
- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:
 - + Tỷ lệ đường giao thông kiên cố:
 - + Tỷ lệ phòng học 3 cấp đạt chuẩn:
 - + Tỷ lệ trạm xá đạt chuẩn:
 - + Tỷ lệ xã có trụ sở kiên cố:
 - + Tỷ lệ nhà văn hoá thôn; Bưu điện xã:
 - + Hệ thống cấp nước sạch:

2. Tầm nhìn sau 2020: Thảo luận trong quá trình xây dựng đề án

Phần thứ Ba

NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP

I. NỘI DUNG

1. Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bảo đảm an ninh lương thực; nâng cao năng lực sản xuất các ngành hàng có lợi thế theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, hiện đại gắn với công nghiệp chế biến.

1.1. Xác định nhóm ngành hàng để định hướng chuyển dịch

- An ninh lương thực
- Nhóm có khả năng cạnh tranh cao
- Nhóm thay thế nhập khẩu
- Nhóm không có khả năng cạnh tranh

1.2. Xây dựng nội dung tổ chức sản xuất lớn theo hướng hiện đại hóa nông nghiệp

- Trồng trọt

- Chăn nuôi
- Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản
- Nghề muối
- Lâm nghiệp
- Chế biến nông, lâm, thủy sản

2. Nâng cao nhanh đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

2.1. Chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động ở nông thôn

- Chuyển dịch cơ cấu lao động
- + Chuyển một bộ phận nông dân thành công nhân, trí thức, lao động dịch vụ(%)
- + Bộ phận nông dân còn lại là lao động thuần nông (%).
- Phát triển mạnh công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn để thu hút lao động;
- Phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng, hiệu quả;
- Tạo việc làm mới, bao gồm cả xuất khẩu lao động

2.2. Nâng cao thu nhập của nông dân

- Tạo thu nhập từ thuần nông có chất lượng và hiệu quả cao
- Các nguồn thu nhập từ ngành nghề, dịch vụ
- Thu nhập từ công nghiệp (Cơ cấu gia đình nông thôn có sự thay đổi, đa dạng hơn, vừa có nông nghiệp, vừa có công nghiệp và dịch vụ)

2.3. Khuyến khích nông dân làm giàu chính đáng

2.4. Phát triển các dịch vụ công

2.5. Đảm bảo an sinh xã hội.

- BHXH, BHYT
- Quỹ phòng chống rủi ro do thiên tai, dịch bệnh...

2.6. Nâng cao tổ chức cho người nông dân

- Người nông dân được tiếp cận, cập nhật thông tin một cách đầy đủ và thường xuyên;
- Nâng cao kiến thức về sản xuất hàng hóa gắn với thị trường
- Nâng cao thể lực và mức độ hưởng thụ các hoạt động tinh thần như: văn hóa, thể thao, ...

3. Thúc đẩy quá trình đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh - hiện đại - bền vững

3.1. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát triển công nghiệp và đô thị.

- % Đô thị nông thôn
- % Công nghiệp nông thôn
- % Nông thôn mới

3.2. Phát triển các thị trấn, thị tứ, điểm dân cư nông thôn.

- Quy hoạch thị trấn, thị tứ ở địa bàn nông thôn; xác định đến năm 2020 bao nhiêu % nông thôn được đô thị hoá.
- Quản lý quá trình đô thị hoá.

3.3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn.

- Giao thông nông thôn: % số xã có đường đến trung tâm; tỷ lệ đường được mở rộng và cứng hoá trong hệ thống giao thông nông thôn.

- Thủy lợi - cấp thoát nước, vệ sinh nông thôn: Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, % người dân nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Điện:

- + Bảo đảm điện cho sản xuất nông nghiệp;
- + Điện cho sinh hoạt;
- + Chất lượng điện ở địa bàn nông thôn

- Thông tin - truyền thông

- Giáo dục: Thực hiện phổ cập trung học phổ thông, các chính sách miễn, giảm học phí. Xây dựng các trường chuẩn quốc gia...

- Y tế: Phấn đấu 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Xây dựng các chính sách hỗ trợ người nghèo được khám chữa bệnh (cấp thẻ BHYT và tăng mức trợ cấp khám chữa bệnh)

- Xây dựng đời sống văn hoá: Xây dựng các hương ước, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá cộng đồng, bài trừ các hủ tục. Xây dựng quy chế dân chủ và giám sát việc thực hiện.

3.4. Xoá đói giảm nghèo

- Vùng cao;
- Vùng đồng bào dân tộc Khơ me ở ĐBSCL;
- Vùng bị thu hồi đất.

3.5. Thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn

3.6. Bảo vệ môi trường sinh thái

- Bảo vệ môi trường đất;
- Bảo vệ môi trường nước;
- Bảo vệ môi trường không khí;
- Bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Nông nghiệp: Thực hiện quy hoạch gắn với chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn.

+ Điều chỉnh và tối ưu hóa cơ cấu nông nghiệp ở từng vùng, từng ngành hàng theo lợi thế so sánh và thị trường (vùng duyên hải, đồng bằng, miền núi, ven đô...);

+ Chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản;

+ Quy hoạch các vùng sản xuất tập trung.

- Nông thôn:

+ Quy hoạch nông thôn mới (bao gồm cả bố trí, sắp xếp lại dân cư)

+ Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ (bao gồm cả bệnh viện, trường học...)

+ Quy hoạch đô thị nông thôn

2. Đổi mới cơ cấu đầu tư và tăng cường đầu tư

- Nguồn vốn và phân bổ nguồn vốn hợp lý

- Tăng mức đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn so với hiện thời

3. Chính sách về đất đai

- Sửa đổi luật đất đai hiện hành tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hóa, sản xuất quy mô lớn, kiểm soát được vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Kiên trì thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa và triển khai các chính sách mới nhằm tích tụ ruộng đất.

4. Chính sách nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

- Phát triển nghiên cứu ứng dụng, thực hiện phương châm "đi tắt đón đầu"

- Phát huy sự tham gia của các thành phần kinh tế trong nghiên cứu và chuyển giao KHCN.

- Nâng cao nhanh trình độ cơ khí hoá, điện khí hoá

- Tăng cường khuyến nông.

5. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Xây dựng hệ thống chính sách giúp con em nông dân được đào tạo;

- Phát triển các loại hình đào tạo nghề, nhất là đào tạo tại chỗ nhằm chuyển người nông dân thành công nhân, trí thức...

- Đào tạo người nông dân có kiến thức sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, hiện đại.

6. Chính sách thương mại

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại;
- Chống gian lận thương mại;
- Xuất nhập khẩu theo cam kết WTO;

7. Chính sách tài chính, tiền tệ:

- Thuế doanh nghiệp và phí
- Tăng mức đầu tư từ ngân sách cho nông nghiệp và nông thôn.
- Phát triển dịch vụ công, tài chính công
- Thiết lập chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân
- Tỷ giá hối đoái linh hoạt;
- Tín dụng đa dạng hơn, phù hợp với đặc điểm thời vụ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản.

8. Chính sách an sinh xã hội: Bao gồm BHXH, BHYT; hỗ trợ nông dân khi thiên tai, bão lụt, dịch bệnh ảnh hưởng đến nông nghiệp và đời sống nông dân

9. Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả của nông dân

- Hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hoá quy mô lớn, năng suất, chất lượng hiệu quả cao;
- Kinh tế trang trại;
- Phát triển kinh tế tổ hợp tác và Hợp tác xã;
- Đổi mới nông lâm trường quốc doanh..
- Phát triển doanh nghiệp nông thôn (tư nhân, FDI....)
- Các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ...

10. Tăng cường quản lý nhà nước trong nông nghiệp, nông thôn.

11. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự tham gia của các đoàn thể.

Phần thứ Tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quán triệt sâu sắc và lấy ý kiến rộng rãi các tầng lớp xã hội trong quá trình xây dựng đề án và triển khai Nghị quyết Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ mới, tạo ra sự chuyển biến thật sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng và toàn dân.

2. Các Bộ, ngành phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các đề án, dự án về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực của cán bộ, đảng viên trong xây dựng và triển khai thực hiện các

chủ trương, chính sách ngang tầm với nhiệm vụ và những đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

3. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Trung ương và các địa phương để đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện.

4. Phát huy vai trò của Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong lãnh đạo và chỉ đạo, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng.

TỔ BIÊN TẬP